TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2026/DS - ST
Ngày 17/6/2026
V/v: "Tranh chấp tiền biêu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Thế Tài**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Dương**
Ông **Huỳnh Bá Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang -** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thuỷ** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 518/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp tiền biêu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 518/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1029/2026/QĐST-DS ngày 27/5/2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh năm: 1993. CCCD số: 046193003857 cấp ngày 24/10/2022. Địa chỉ: đường C, phường C, TP Đà Nẵng. Bà T ủy quyền cho ông Lê Bảo A, sinh năm 1993; ông Trương Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 2002 và ông Lý Minh Q, sinh năm 2003. Địa chỉ liên hệ: đường T, phường T, TP Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 30/12/2025). *Có mặt.*

- ***Bị đơn*****:** Bà **Trần Thị Hoàng L**, sinh năm: 1990. CCCD số: 048190006314 cấp ngày 11/11/2021. Địa chỉ: Tổ B phường A, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

- Người làm chứng:

1. Bà **Phan Thanh M**, sinh năm: 1989. CCCD số: 049189016821. Địa chỉ: đường N, phường A, TP Đà Nẵng. *Xin vắng mặt.*

2. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: đường L, phường H, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Lý Minh Q trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hoài T và bà Trần Thị Hoàng L có mối quan hệ giao dịch làm ăn, ngày 14/9/2022, bà L đã làm Giấy nợ để xác nhận còn nợ bà T số tiền là 4.630.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng). Bà L cam kết sẽ trả hết số tiền trên cho bà T trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả tối thiểu từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc nhiều hơn. Thời gian trả bắt đầu từ tháng 10/2022.

Tuy nhiên, kể từ đó đến nay, bà L không trả bất kỳ khoản tiền nào. Bà T cũng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bà L vẫn chây ỳ không trả nợ theo cam kết. Hành vi trên của bà L đã vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Hoàng L phải trả số tiền nợ gốc là 4.630.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu lãi chậm trả.

Về việc bà L có ý kiến xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trường hợp có thu nhập cao hơn thì sẽ thanh toán theo tình hình thu nhập thực tế thì bà T không đồng ý, đề nghị bà L phải trả một lần dứt điểm toàn bộ số tiền trên.

** Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L vắng mặt, có ý kiến thể hiện tại hồ sơ:*

Bà L là bị đơn trong vụ "Tranh chấp tiền biêu" theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 518/2025/TB-TLVA ngày 29/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng. Bằng văn bản này, bà trình bày nội dung như sau:

Bà Trần Thị Hoàng L và bà Nguyễn Thị Hoài T có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Bà L là người cầm cái biêu và bà T là người chơi trong sàn biêu do bà L tổ chức.

Đến khoảng tháng 10/2022, bà L mất khả năng thanh toán cho bà T nguyên nhân là do bà Nguyễn Thị Hải V (Địa chỉ: tổ C, quận T, thành phố Đà Nẵng) tham gia các chân biêu và rút trước với tổng số tiền là 15.440.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư chứng khoán nhưng quá trình đầu tư bị thua lỗ nên bà V mất khả năng đóng tiền biêu cho bà L khiến cho toàn bộ dây biêu bị ảnh hưởng trong đó có bà T.

Mặc dù bà V đã viết Giấy xác nhận nợ biêu với nội dung xác nhận về việc có nợ tiền và cam kết rằng trong thời gian từ ngày 17/9/2022 đến ngày 1/12/2022 sẽ cố gắng khắc phục hậu quả nhưng đến nay bà V vẫn chưa thực hiện việc trả tiền cho bà L theo như cam kết nêu trên, dẫn đến bà L không thể thanh toán như nội dung đã cam kết cho bà T được.

Hiện nay, hoàn cảnh của bà gặp rất nhiều khó khăn, phải một mình nuôi con nhỏ trong điều kiện không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh, không có khả năng thanh toán toàn bộ số tiền này ngay lập tức nhưng với tinh thần thiện chí, trách nhiệm với khoản nợ đối với bà T cũng như mong muốn nhận được sự gia hạn thời gian, bà L

đề xuất phương án được trả dần tùy theo thu nhập thực tế hàng tháng, lộ trình thanh toán cụ thể như sau: Thanh toán mỗi tháng 1.000.000 đồng trường hợp có thu nhập cao hơn thì sẽ thanh toán theo tình hình thu nhập thực tế. Bà L cam kết đến khi bà V trả tiền cho bà thì bà sẽ thanh toán đầy đủ toàn bộ cho bà T.

** Người làm chứng bà Phan Thanh M vắng mặt, có ý kiến thể hiện tại hồ sơ:*

Ngày 14/9/2022 tại đường H, phường A, thành phố Đà Nẵng, bà M có chứng kiến và ký tên làm chứng cho việc xác lập "Giấy Nợ Biêu" giữa bà Nguyễn Thị Hoài T và bà Trần Thị Hoàng L. Giấy nợ biêu do chính tay bà L là người viết và ký tên. Quá trình viết giấy có sự chứng kiến của nhiều người, trong đó có bà Nguyễn Thị T1 và bà đứng ra ký tên làm chứng. Theo đó, bà Trần Thị Hoàng L xác nhận có nợ bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền là 4.630.000.000 đồng (bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng). Trong quá trình xác lập "Giấy Nợ Biêu" các bên đều hoàn toàn tỉnh táo, tự nguyện không bị đe dọa hay cưỡng ép.

Trên đây là toàn bộ nội dung làm chứng của bà liên quan đến vụ án nêu trên. Hiện nay, do tính chất công việc bận rộn, không đảm bảo được thời gian để tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà M kính đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, phiên toà xét xử sơ thẩm giải quyết vụ án nêu trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng về thẩm quyền, thực hiện việc cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, đảm bảo để các bên đương sự được thực hiện các quyền của mình. Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L đã được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến phản hồi. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T đối với bà Trần Thị Hoàng L. Buộc bà Trần Thị Hoàng L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền là 4.630.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Tranh chấp tiền biêu"* là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Trần Thị Hoàng L có hộ khẩu thường trú tại Tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết vụ án, bà L có gửi đơn trình bày thể hiện địa chỉ liên lạc tại Chung cư C số A H, phường T, TP Hồ Chí Minh tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh bà cư trú hợp pháp tại địa chỉ này. Toà án đã tiến hành xác minh tại công an phường T nhưng không nhận được kết quả trả lời. Ngoài ra không có văn bản nào khác thể hiện việc thay đổi địa chỉ của bà L. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Toà án xác định nơi cư trú hợp pháp của bà Trần Thị Hoàng L hiện nay là nơi bà có hộ khẩu thường trú, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị Hoàng L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Hoài T và bà Trần Thị Hoàng L có mối quan hệ làm ăn, quen biết ngoài xã hội. Bà L là người cầm cái biêu và bà T là người chơi trong sàn biêu do bà L tổ chức. Vào ngày 14/9/2022, bà L đã làm Giấy nợ để xác nhận còn nợ bà T số tiền là 4.630.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng). Bà L cam kết sẽ trả hết số tiền trên cho bà T trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả tối thiểu từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc nhiều hơn. Thời gian trả bắt đầu từ tháng 10/2022. Tuy nhiên, kể từ đó đến nay, bà L không trả bất kỳ khoản tiền nào. Bà T cũng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bà L vẫn chây ỳ không trả nợ theo cam kết. Do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Hoàng L phải trả số tiền nợ gốc là 4.630.000.000 đồng và không yêu cầu lãi chậm trả.

Về phía bị đơn bà Trần Thị Hoàng L thừa nhận còn nợ tiền biêu của bà T, nguyên nhân là do người khác rút chân biêu để đầu tư nhưng thua lỗ không đóng tiền biêu, làm bà mất khả năng thanh toán nên ảnh hưởng đến cả dây biêu trong đó có bà T. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh bà gặp rất nhiều khó khăn không có khả năng thanh toán toàn bộ số tiền như nội dung đã cam kết cho bà T được.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Hoài T và bà Trần Thị Hoàng L có giao dịch chơi biêu với nhau, bà L là người cầm cái còn bà T là người chơi trong sàn biêu do bà L tổ chức. Ngày

14/9/2022, bà L đã viết Giấy nợ biêu để xác nhận số tiền biêu bà còn nợ của bà T là 4.630.000.000 đồng.

Tại bản trình bày ý kiến bị đơn bà L gửi đến Tòa án cũng xác nhận nội dung này, phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Phan Thanh M tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2026 thể hiện: Giấy nợ biêu ngày 14/9/2022 do chính tay bà Trần Thị Hoàng L là người viết và ký tên. Quá trình viết giấy có sự chứng kiến của nhiều người, trong đó có bà Nguyễn Thị T1 và bà Phan Thanh M đứng ra ký tên làm chứng. Do đó HĐXX xác định việc bà Trần Thị Hoàng L có nợ bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền biêu là 4.630.000.000 đồng là sự thật. Giấy nợ biêu là thỏa thuận dân sự được xác lập dựa trên sự tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm các điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp lý buộc các bên phải thực hiện theo cam kết thỏa thuận.

Theo nội dung của Giấy nợ biêu bà L cam kết sẽ trả hết số tiền trên cho bà T trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả tối thiểu từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc nhiều hơn. Thời gian trả bắt đầu từ tháng 10/2022 thì thời hạn cuối cùng là đến tháng 9/2025 bà L phải hoàn thành nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 4.630.000.000 đồng cho bà T. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện cam kết theo Giấy nợ biêu đến nay, bà L xác nhận chưa trả được bất kỳ một khoản tiền nào cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của chủ họ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền biêu 4.630.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Bà Trần Thị Hoàng L có ý kiến xin được trả dần tùy theo thu nhập thực tế hàng tháng, lộ trình thanh toán cụ thể như sau: Thanh toán mỗi tháng 1.000.000 đồng trường hợp có thu nhập cao hơn thì sẽ thanh toán theo tình hình thu nhập thực tế. Đối với yêu cầu này của bà L, bà T không đồng ý và yêu cầu bà L trả dứt điểm một lần số tiền còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5]. Bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền biêu còn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề tiền lãi.

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị Hoàng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 280, Điều 471 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi,biêu, phường.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp tiền biêu*" của bà Nguyễn Thị Hoài T đối với bà Trần Thị Hoàng L.

1. Xử: Buộc bà Trần Thị Hoàng L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền là: 4.630.000.000 đồng (*Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí DS - ST: 112.630.000 đồng *(Một trăm mười hai triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng)* bà Trần Thị Hoàng L phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền tạm ứng án phí 56.315.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu, ba trăm mười lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007726 ngày 26/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV2 - ĐN;
- Đương sự;
- Phòng THADS KV2-ĐN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- Lưu hồ sơ.

TAND KHU VỰC 2

WNL170626.TL.QDBA
1443

(Đã ký)

Đỗ Thế Tài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**